



TỔNG CÔNG TY SONADEZI
CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC ĐỒNG NAI

CÔNG BỐ THÔNG TIN
KẾT QUẢ KIỂM TRA CHẤT LƯỢNG NƯỚC SẠCH THÀNH PHẨM

MẪU SỐ 3

KQKTCL

Năm: 2026

KẾT QUẢ CHẤT LƯỢNG NƯỚC THÁNG 02 NĂM 2026 - TRUNG TÂM KIỂM SOÁT BỆNH TẬT
TỈNH ĐỒNG NAI

QCVN 01-1:2024/BYT

STT	Đơn vị	Loại nước	Vị trí lấy mẫu	Ngày trả kết quả	pH (*) (6.0 - 8.5)	Độ đục (2 NTU)	Mùi, vị	Màu sắc (15 TCU)	Clor dư (0.2 - 1.0 mg/l)	Arsenic (0.01mg/l)	Chỉ số Pecmanganat (2 mg/l)	Amoni (NH ₃ và NH ₄ ⁺ tính theo N) (1 mg/l)	Coliforms tổng số (*) (< 1CFU/100ml)	Escherichia Coli (*) (< 1CFU/100ml)
1	Chi nhánh cấp nước Biên Hòa	Nước sinh hoạt	Số 34 đường Đỗ Văn Thi, P. Trảng Biên.	12/02/2026	7.05	0.28	Không có mùi lạ	KPH	0.36	KPH	0.32	0.05	0/100ml	0/100ml
2		Nước sinh hoạt	TT phục vụ hành chính công P. Trảng Biên.	12/02/2026	6.96	0.18	Không có mùi lạ	KPH	0.24	KPH	0.64	0.05	0/100ml	0/100ml
3		Nước sinh hoạt	Bể chứa.	12/02/2026	6.85	0.23	Không có mùi lạ	KPH	0.58	KPH	0.32	0.04	0/100ml	0/100ml
4	Chi nhánh cấp nước Thiện Tân	Nước sinh hoạt	Trạm tăng áp KCN Biên Hòa 2, đường 19A, P. Trảng Biên.	12/02/2026	6.88	0.35	Không có mùi lạ	KPH	0.53	KPH	0.32	0.03	0/100ml	0/100ml
5		Nước sinh hoạt	Đầu vào KCN Hồ Nai, đường số 1, P. Hồ Nai.	12/02/2026	6.95	0.64	Không có mùi lạ	KPH	0.37	KPH	0.32	0.03	0/100ml	0/100ml
6		Nước sinh hoạt	Bể chứa trạm Thiện Tân.	12/02/2026	6.89	0.06	Không có mùi lạ	KPH	0.67	KPH	0.16	0.03	0/100ml	0/100ml
7		Nước sinh hoạt	Đầu vào KCN Amata, P. Long Bình.	12/02/2026	6.83	0.40	Không có mùi lạ	KPH	0.50	KPH	0.16	0.02	0/100ml	0/100ml
8		Nước sinh hoạt	Trụ cứu hòa số 1/1-Đầu vào KCN Loteco, P. Long Bình.	12/02/2026	6.76	0.18	Không có mùi lạ	KPH	0.47	KPH	0.32	0.02	0/100ml	0/100ml
9	Nước sinh hoạt	Bể chứa trạm Nhơn Trạch.	12/02/2026	6.94	0.36	Không có mùi lạ	KPH	0.60	KPH	0.32	0.03	0/100ml	0/100ml	

STT	Đơn vị	Loại nước	Vị trí lấy mẫu	Ngày trả kết quả	pH (*) (6.0 - 8.5)	Độ đục (2 NTU)	Mùi, vị	Màu sắc (15 TCU)	Clor dư (0.2 - 1.0 mg/l)	Arsenic (0.01mg/l)	Chi số Pecmanganat (2 mg/l)	Amoni (NH3 và NH4+ tính theo N) (1 mg/l)	Coliforms tổng số (*) (< 1CFU/100ml)	Escherichia Coli (*) (< 1CFU/100ml)	
10	Chi nhánh cấp nước Thạnh Phú	Nước sinh hoạt	Hộ Nguyễn Xuân Nghĩa, KP 6+7, P. Trảng Dài.	12/02/2026	6.94	KPH	Không có mùi lạ	KPH	0.59	KPH	0.32	0.04	0/100ml	0/100ml	
11		Nước sinh hoạt	Trạm giao dịch xã Thạnh Phú, KP Tân Phú, P. Tân Triều.	12/02/2026	6.98	KPH	Không có mùi lạ	KPH	0.71	KPH	0.48	0.05	0/100ml	0/100ml	
12		Nước sinh hoạt	Bể chứa CNCN Thạnh Phú	12/02/2026	6.91	0.09	Không có mùi lạ	KPH	0.61	KPH	0.16	0.04	0/100ml	0/100ml	
13	Chi nhánh cấp nước Xuân Lộc	Trạm Gia Ray	Nước sinh hoạt	Bể chứa - PXN Gia Ray	23/02/2026	7.19	0.15	Không có mùi lạ	KPH	0.63	KPH	0.32	0.01	0/100ml	0/100ml
14			Nước sinh hoạt	Số nhà 363 Trần Phú, xã Xuân Lộc.	23/02/2026	6.87	0.18	Không có mùi lạ	KPH	0.64	KPH	0.32	0.02	0/100ml	0/100ml
15			Nước sinh hoạt	Số nhà 165, Đ. Hùng Vương, xã Xuân Lộc.	23/02/2026	6.88	0.20	Không có mùi lạ	KPH	0.77	KPH	0.48	0.02	0/100ml	0/100ml
16		Trạm Sông Ray	Nước sinh hoạt	Đầu nguồn trạm cấp nước Sông Ray	23/02/2026	7.21	0.08	Không có mùi lạ	1.85	0.68	KPH	0.48	0.01	0/100ml	0/100ml
17			Nước sinh hoạt	Trạm y tế xã Sông Ray.	23/02/2026	7.28	KPH	Không có mùi lạ	KPH	0.42	KPH	0.32	0.01	0/100ml	0/100ml
18		Trạm Tâm Hưng Hòa	Nước sinh hoạt	Hộ Nguyễn Thị Kim Anh, ấp Xuân Tâm, xã Xuân Hòa.	23/02/2026	6.63	0.31	Không có mùi lạ	1.85	0.82	KPH	0.16	0.02	0/100ml	0/100ml
19			Nước sinh hoạt	Trạm Y tế xã Xuân Hòa (điểm trạm Xuân Tâm).	23/02/2026	6.69	0.17	Không có mùi lạ	KPH	0.83	KPH	0.16	0.02	0/100ml	0/100ml
20			Nước sinh hoạt	Bể chứa PXN Tâm Hưng Hòa	23/02/2026	6.69	0.52	Không có mùi lạ	KPH	0.45	KPH	0.32	0.01	0/100ml	0/100ml

STT	Đơn vị		Loại nước	Vị trí lấy mẫu	Ngày trả kết quả	pH (*) (6.0 - 8.5)	Độ đục (2 NTU)	Mùi, vị	Màu sắc (15 TCU)	Clor dư (0.2 - 1.0 mg/l)	Arsenic (0.01mg/l)	Chỉ số Pecmanganat (2 mg/l)	Amoni (NH3 và NH4+ tính theo N) (1 mg/l)	Coliforms tổng số (*) (< 1CFU/100ml)	Escherichia Coli (*) (< 1CFU/100ml)
21	Chi nhánh cấp nước Xuân Lộc	Trạm Tân Phú	Nước sinh hoạt	Giếng 1, xã Tân Phú	23/02/2026	6.44	KPH	Không có mùi lạ	KPH	0.66	KPH	0.32	0.01	0/100ml	0/100ml
22			Nước sinh hoạt	Giếng 2, xã Tân Phú	23/02/2026	6.58	0.26	Không có mùi lạ	KPH	0.84	KPH	0.48	0.01	0/100ml	0/100ml
23			Nước sinh hoạt	Giếng 7, xã Tân Phú	23/02/2026	6.59	KPH	Không có mùi lạ	KPH	0.82	KPH	0.32	0.01	0/100ml	0/100ml
24		Trạm Định Quán	Nước sinh hoạt	Bể chứa PXN Định Quán.	23/02/2026	7.46	0.23	Không có mùi lạ	KPH	0.72	KPH	0.16	0.01	0/100ml	0/100ml
25			Nước sinh hoạt	Trạm tăng áp xã Phú Vinh, Đồng Nai.	23/02/2026	7.37	0.30	Không có mùi lạ	KPH	0.80	KPH	KPH	0.01	0/100ml	0/100ml
26			Nước sinh hoạt	Trường mầm non Tuổi Ngọc - xã Định Quán, Đồng Nai.	23/02/2026	7.32	0.28	Không có mùi lạ	KPH	0.86	KPH	0.16	0.01	0/100ml	0/100ml
27	Chi nhánh cấp nước Long Bình	Nước sinh hoạt	Trụ sở Đảng ủy xã Trị An, số 231A, tổ 4C, Đ. Nguyễn Tất Thành, ấp Vĩnh An 8, xã Trị An.	12/02/2026	6.59	0.34	Không có mùi lạ	KPH	0.58	KPH	0.16	0.02	0/100ml	0/100ml	
28		Nước sinh hoạt	Bể chứa CNCN Long Bình.	12/02/2026	6.93	0.73	Không có mùi lạ	KPH	0.61	KPH	0.48	0.04	0/100ml	0/100ml	
29		Nước sinh hoạt	Trụ sở UBND Phường Hồ Nai (CS2), ấp Thái Hòa, P. Hồ Nai.	12/02/2026	6.92	0.95	Không có mùi lạ	KPH	0.42	KPH	0.16	0.04	0/100ml	0/100ml	
30		Nước sinh hoạt	Số 18 Lê Đại Hành, ấp Vĩnh An 2, xã Trị An.	12/02/2026	6.71	0.28	Không có mùi lạ	KPH	0.49	KPH	0.16	0.04	0/100ml	0/100ml	
		Nước sinh hoạt	Trạm tăng áp Thiện Tân 2, Đ. Điều Xiển, P. Long Bình.	12/02/2026	7.98	0.23	Không có mùi lạ	KPH	0.65	KPH	0.48	0.03	0/100ml	0/100ml	
32		Nước sinh hoạt	Bể chứa trạm Vĩnh An.	12/02/2026	6.68	0.22	Không có mùi lạ	KPH	0.54	KPH	0.32	0.04	0/100ml	0/100ml	

